

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **268/2025/HS-PT**
Ngày: 23/12/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**
ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng
tham gia phiên tòa:** bà **Phan Thị Xuân Thanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà phúc thẩm Tòa
án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án
nhân dân tỉnh Gia Lai, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai theo hình thức
trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 217/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng 10 năm 2025
đối với bị cáo **Đoàn Thị Họa M** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Do có kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên
quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2025/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm
2025 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đoàn Thị Họa M, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1992 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú:
hẻm I T, tổ I, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là phường P, tỉnh Gia Lai);
căn cước công dân: 064192006023 do **Cục C2** về TTXH cấp ngày 30/11/2022;
nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ;
tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đoàn T1** và bà **Nguyễn Thị L**; có
chồng là **Đoàn Việt Đ** và có 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 24/4/2023, bị **Công an thành phố P** xử phạt vi phạm hành
chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi xâm hại sức khỏe người khác (đã chấp
hành xong).

Bị cáo bị bắt ngày 17/11/2023 và bị tạm giam cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh G; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Thị Họa M: ông Lương Hữu H, Luật sư của Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G; vắng mặt.

- Bị hại: bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1964; địa chỉ: tổ dân phố E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là xã Đ, tỉnh Gia Lai); vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đoàn T1, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: đội F, thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là xã K, tỉnh Gia Lai); có mặt.

2. Ông Đoàn Việt Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: 9 T, tổ I, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là phường P, tỉnh Gia Lai); vắng mặt.

3. Bà Sou Thị M1, sinh năm 1958; địa chỉ: F P, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là phường T, tỉnh Gia Lai).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Sou Thị M1: bà Hứa Thị Trung N, sinh năm 1964; địa chỉ: A L, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là phường D, tỉnh Gia Lai); có mặt.

4. Ông Đoàn T2, sinh năm 1962 và bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là xã K, tỉnh Gia Lai); ông T2 có mặt.

5. Anh Đoàn Tuấn A, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là xã K, tỉnh Gia Lai); có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền chơi tiền ảo trên mạng, nên từ ngày 24/4/2023 đến ngày 26/4/2023, Đoàn Thị Họa M đưa ra thông tin không có thật, cần đáo hạn khoản vay tại ngân hàng để hỏi vay tiền của bà Đỗ Thị H1 với tổng số tiền là 4.200.000.000 đồng, thời hạn vay 02 ngày, M hứa hẹn ngay sau khi đáo hạn ngân hàng, sẽ hoàn trả toàn bộ tiền gốc và lãi vay, làm cho bà H1 tin tưởng là thật đã chuyển tiền cho M vay với tổng số tiền là 4.200.000.000 đồng, rồi bị M chiếm đoạt, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: vào ngày 24/4/2023, thông qua bà Phùng Thị C và ông Bùi Quý B giới thiệu cho Đoàn Thị Họa M liên hệ với bà Đỗ Thị H1 để vay tiền. Sau đó, M đã liên hệ với bà H1 rồi đưa ra thông tin M là bạn thân của B, để hỏi vay của bà H1 số tiền 1.200.000.000 đồng làm đáo hạn khoản vay mang tên ông Đoàn T1 (trú tại: thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, là bố đẻ của M) tại Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh B1 - Phòng G. Khi đặt vấn đề hỏi vay tiền của bà H1, M hứa hẹn ngày hôm sau đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả lại tiền. Bà H1 đồng ý và hẹn M đến nhà bà H1 để viết giấy vay tiền với lãi suất là 02%/tháng.

Khoảng 09 giờ 33 phút, ngày 25/4/2023, **Đoàn Thị Họa M** đi một mình đến nhà bà **H1** để viết Giấy vay tiền, với nội dung: “**Đoàn Thị Họa M** có nhận của bà **Đỗ Thị H1** số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay tiền là Giao dịch trước 2 ngày trả lại tiền gốc và lãi 2%”. Sau đó, bà **H1** đã chuyển số tiền 1.200.000.000 đồng từ số tài khoản của bà **H1** số 104000431967 mở tại **Ngân hàng V** vào số tài khoản tại **Ngân hàng V** số 666600199999 của **M**. Khi chuyển tiền **M** nói bà **H1** gửi số tài khoản thụ hưởng cho **M**, để **M** đăng ký với ngân hàng, khi nào giải ngân thì Ngân hàng sẽ chuyển tiền trực tiếp vào tài khoản này để trả lại tiền cho bà **H1**, tin tưởng là thật nên bà **H1** đã gửi cho **M** số tài khoản 0291000313069 mang tên **Nguyễn Thị Lệ D** là em bà **H1**.

Sau khi bà **H1** chuyển vào tài khoản của **M** số tiền 1.200.000.000 đồng thì **M** không đáo hạn ngân hàng như thỏa thuận mà liên tiếp thực hiện chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng của các cá nhân khác, cụ thể: đã chuyển số tiền 1.100.002.487 đồng vào số tài khoản 9318522140920 mang tên **Đặng Thị Q** tại **Ngân hàng TMCP Q1 (M4)**; chuyển số tiền 20.001.238 đồng vào tài khoản số 1033593060 mang tên **Ngô Thế H2** tại **Ngân hàng V1**; chuyển số tiền 10.001.534 đồng vào số tài khoản 26743237 mang tên **Đồng Ngọc S** tại **Ngân hàng A1**; chuyển số tiền 50.001.650 đồng vào số tài khoản 1028571968 mang tên **Phan Thị C1** tại **Ngân hàng T4**.

- *Lần thứ hai*: đến khoảng 14 giờ cùng ngày 25/4/2023, mặc dù không có khoản vay nào đến hạn phải trả tại **Ngân hàng V2** nhưng **M** tiếp tục gọi điện thoại cho bà **H1** nói là cần thêm 3.000.000.000 đồng để đáo hạn khoản vay tại **ngân hàng V2** cho khoản vay của ông **Đoàn T1** vì khoản vay này đã đến hạn phải trả nợ. Bà **H1** không đồng ý và yêu cầu **M** trả trước món vay 1.200.000.000 đồng thì mới cho vay tiếp. Nhưng **M** nói món vay 3.000.000.000 đồng của ông **T1** nếu không đáo hạn trước ngày 30/4 thì sẽ bị nợ xấu, mà bị nợ xấu thì món vay 1.200.000.000 đồng cũng không được giải ngân. Vì lo không lấy được khoản vay 1.200.000.000 đồng nên bà **H1** đã đi vay mượn thêm để cho **M** vay số tiền 3.000.000.000 đồng. Sau khi vay đủ số tiền, bà **H1** hẹn **M** đến nhà để viết giấy mượn tiền. Khoảng 09 giờ, ngày 26/4/2023, **M** đi một mình đến nhà bà **H1** và viết Giấy mượn tiền, với nội dung “**Đoàn Thị Họa M** có nhận của bà **Đỗ Thị H1** số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay tiền là Giao dịch trước là 2 ngày trả lại, tiền gốc và lãi 2%”. Sau khi **M** viết giấy vay tiền xong, tại đây bà **H1** đã chuyển số tiền 3.000.000.000 đồng vào tài khoản số 8654568888 tại **Ngân hàng TMCP Q1 (M5)** của **M**. Sau khi nhận số tiền 3.000.000.000 đồng, **M** không đáo hạn khoản vay nào tại **Ngân hàng V** mà đã thực hiện các giao dịch chuyển tiền, cụ thể: chuyển số tiền 1.200.000.000 đồng vào tài khoản số 0291000291392 của ông **Đoàn T1** để đáo hạn món vay 1.200.000.000 đồng tại **Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh B1** của ông **Đoàn T1**, không làm thủ tục vay đáo hạn mà làm thủ tục xóa thế chấp, lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra thế chấp trả nợ cho người khác; chuyển số tiền 800.001.867 đồng vào tài khoản số 12610001403158 mang tên **Đặng Thị Q** tại **Ngân hàng TMCP Đ1 (B2)**; chuyển số tiền 700.002.571 đồng vào tài khoản số 0835788069 mang tên **Bùi Đức M2** tại **Ngân hàng TMCP Q1 (M5)**; chuyển số tiền 300.000.484 đồng vào tài khoản số 2015678966666 mang tên **Lương Khánh T3** tại **Ngân hàng TMCP Q1 (M5)**.

Đến chiều ngày 26/4/2023, bà H1 không thấy M trả lại số tiền 1.200.000.000 đồng, nên đã gọi điện cho M thì M nói số tiền trên đã làm thủ tục xong và đến chiều sẽ giải ngân. Nghi ngờ M lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bà H1 đã tìm hiểu thì mới biết ông Đoàn T1 đã làm thủ tục tất toán khoản vay tại ngân hàng mà không vay lại. Đến tối cùng ngày, bà H1 gọi cho M thì lúc này M nói M đã bị lừa mất số tiền 6.600.000.000 đồng, hứa hẹn đến ngày 10/5/2023 sẽ trả hết cho bà H1 số tiền vay, nhưng không thực hiện. Đến ngày 06/5/2023, bà H1 nói sẽ báo Công an thì M đã chuyển trả cho bà H1 số tiền 150.000.000 đồng từ tài khoản số 666600199999 tại Ngân hàng V của M đến số tài khoản 104000431967 tại Ngân hàng V của bà H1.

Ngày 03/7/2023, bà Đỗ Thị H1 đã làm đơn tố giác Đoàn Thị Họa M về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, với tổng số tiền 4.200.000.000 đồng gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G. Đồng thời cung cấp các giấy mượn tiền ngày 25/4/2023, ngày 26/4/2023. Đến ngày 14/8/2023, M đã nộp 120.000.000 đồng để trả lại cho bà Đỗ Thị H1.

Ngày 12/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G đã ra Quyết định số 300/QĐ-VPCQCSĐT, trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của Đoàn Thị Họa M trên 02 giấy mượn tiền đề ngày 25, 26/4/2023 do bị hại Đỗ Thị H1 cung cấp.

Tại Kết luận giám định số 909/KL-KTHS ngày 27/10/2023 của Phòng K - Công an tỉnh G kết luận: Chữ viết, chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 (trừ chữ viết có nội dung “12/8/2023 Tôi Đỗ thị H1 giao giấy mượn Tiền bản gốc cho Công An.”, “12/8/2023” và chữ ký, chữ viết họ tên “Đỗ Thị H1” tại góc trên bên trái mặt trước, dưới mục “Người giao tiền” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết của Đoàn Thị Họa M trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra, ngày 14/8/2023, Đoàn Thị Họa M giao nộp số tiền 120.000.000 đồng để khắc phục cho bà H1. Ngày 24/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã ra Quyết định xử lý số 1738/QĐ-VPCQCSĐT-Đ2 trả cho bà H1 số tiền 120.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: ngoài số tiền 120.000.000 đồng Mi đã nộp thì trước đó ngày 06/5/2023 M chuyển khoản từ số tài khoản 666600199999 của Mi 150.000.000 đồng vào tài khoản số 104000431967 của bà H1 để trả nợ cho bà H1. Như vậy, tổng số tiền M đã trả cho bà H1 là 270.000.000 đồng. Bị hại Đỗ Thị H1 yêu cầu bị can M tiếp tục hoàn trả tiếp số tiền 3.930.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày bị can M thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt số tiền trên của bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đoàn Việt Đ, ông Đoàn T1, bà Nguyễn Thị L và đại diện theo uỷ quyền của bà Sou Thị M1 xác nhận tổng số tiền ông T1, anh Đ vay của bà M1 là 3.050.000.000đ, toàn bộ số tiền này đã được trả khoản vay mang tên bà Nguyễn Thị L (2.000.000.000đ) và anh Đoàn Tuấn A (là con ông T1, bà L, em bị cáo M là 1.000.000.000đ) tại Ngân hàng V2, để nhận lại 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI345505, số BY417192 và DĐ951494 nên nay các bên đồng ý trả cho bà M1 3.050.000.000đ nợ gốc và 600.000.000đ tiền lãi và thi hành án bằng 03 quyền sử dụng đất trên. Riêng anh Đ cho rằng vay phải trả, do trả nợ cho

phía ông T1 nên phía ông T1 có trách nhiệm trả và vay để lấy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên nên nay phải thi hành án bằng 03 giấy trên là đúng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2025/HS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân tỉnh Gia Lai đã quyết định: tuyên bố bị cáo Đoàn Thị Họa M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Họa M 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 17/11/2023.

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 288, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Đoàn Thị Họa M bồi thường cho bị hại bà Đỗ Thị H1 số tiền còn lại là 2.730.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng);

- Truy thu của ông Đoàn T1, bà Nguyễn Thị L số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) để trả cho bà Đỗ Thị H1;

- Buộc ông Đoàn T1, bà Nguyễn Thị L, anh Đoàn Việt Đ phải liên đới trả cho bà Sou Thị M1 số tiền 3.650.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó, tiền gốc 3.050.000.000đ, tiền lãi 600.000.000đ.

Quyền sử dụng đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI345505, số BY417192 và DD951494 do Sở T5 cấp có đăng ký tên ông Đoàn T1 được ưu tiên thi hành án cho bà Sou Thị M1 đối với số tiền 3.650.000.000 đồng nêu trên. Thủ tục thi hành án đối với tài sản là quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chuyển thông tin về việc chuyển nhượng đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX135315 và BX135316 đến cơ quan thi hành án để khi thi hành án theo quy định của pháp luật thì ưu tiên thanh toán cho bà Đỗ Thị H1 đối với số tiền 1.200.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng; án phí; quy định về thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2025, bị cáo Đoàn Thị Họa M kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin xem xét lại tội danh lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với bị cáo; đề nghị không truy thu số tiền 1.200.000.000đ của ông T1, bà L, hoàn trả lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các số CI345505, số BY417192 và DD951494 cho ông T1, bà L.

Ngày 23/9/2025, ông Đoàn T1 và bà Phạm Thị L1 kháng cáo bản án sơ thẩm; ông, bà không đồng ý với phần trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp của bản án sơ thẩm đối với ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đoàn Thị Họa M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn T1 và bà Nguyễn Thị L đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo, giữ nguyên phần trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp như bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 và ngày 23/9/2025, bị cáo **Đoàn Thị Họa M**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Đoàn T1** và bà **Nguyễn Thị L** có đơn kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2025/HS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai; Đơn kháng cáo của các chủ thể kháng cáo là trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo **Đoàn Thị Họa M** từ chối Luật sư **Lương Hữu H** được Tòa án chỉ định bào chữa cho bị cáo và bị cáo tự thực hiện quyền bào chữa; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại **Đỗ Thị H1** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Đoàn Việt Đ** vì việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án;

Hội đồng xét xử căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo về tội danh và hình phạt, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Về tội danh:

Được sự giới thiệu của ông **Bùi Quý B**, **Đoàn Thị Họa M** đã liên hệ với bà **Đỗ Thị H1** để vay tiền. Theo đó, **M** đưa ra thông tin rằng **Mi** cần tiền đáo hạn ngân hàng để nhiều lần vay tiền của bà **H1** nhưng thực tế **M** không làm theo thỏa thuận với bà **H1** trước đó. Tại Bản tự khai/Bản tường trình ngày 04/11/2024 (BL 1459), bị cáo thừa nhận: bà **H1** cho bị cáo “*mượn 1,2 tỷ để đáo hạn*” và bị cáo viết giấy nợ cho bà **H1**; sau khi nhận 1,2 tỷ từ bà **H1**, bị cáo “*chuyển tiền lên mạng để mua vàng*” thì số tiền đó bị treo trên sàn giao dịch. Bị cáo tiếp tục “*... hỏi vay của cô H1 gói 3 tỷ đáo hạn bên V2*”; sau khi nhận đủ 3 tỷ đồng, một phần bị cáo chuyển trả cho ông **Đoàn T1**, phần còn lại bị cáo “*chuyển tiếp lên mạng để thực hiện rút số tiền đã mua vàng và nằm trong sàn trước đó*”. Tại Biên bản hỏi cung ngày 04/11/2024 (BL 1464), **Đoàn Thị Họa M** khai: “*Tôi đã nói với bà H1 cần vay số tiền 1.200.000.000 đồng để đáo hạn khoản vay... tôi hứa hẹn ngày hôm sau đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả lại*”. Sau khi nhận tiền, “*tôi đã sử dụng số tiền của bà H1 ... để đặt lệnh mua vàng*” trên sàn giao dịch; “*...bà H1 có hỏi tôi về món vay 1,2 tỷ đồng thì tôi nói dối bà H1 là tôi đã nộp tiền để đáo hạn và ngày hôm sau*

ngân hàng sẽ giải ngân để bà H1 không biết khoản vay trên tôi đã sử dụng để đầu tư mua vàng trên mạng hết.”. Bằng thủ đoạn tương tự, M làm bà H1 tin tưởng và tiếp tục cho bị cáo mượn 3 tỷ đồng, thực tế, bị cáo không thực hiện việc đáo hạn ngân hàng mà vẫn tiếp tục đầu tư vàng trên mạng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo cũng thừa nhận: 02 lần vay tiền của bà H1, 1 lần 1,2 tỷ, 1 lần 03 tỷ; bị cáo nhận tiền rồi bị cáo không đáo hạn ngân hàng mà chuyển lên tài khoản ảo 03 tỷ, trả nợ cho ông T1 1,2 tỷ.

Xét thấy, lời khai của bị cáo Đoàn Thị Họa M phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về quá trình thực hiện việc vay mượn, giao dịch chuyển tiền giữa bị cáo, bị hại và những người liên quan. Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: để có tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, từ ngày 24/4/2023 đến ngày 26/4/2023, bị cáo đã đưa ra thông tin cần vay tiền để đáo hạn Ngân hàng, nhiều lần vay tiền của bị hại là bà Đỗ Thị H1 với tổng số tiền 4.200.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền, bị cáo không dùng để đáo hạn Ngân hàng mà chuyển 1.200.000.000 đồng cho ông Đoàn T1 trả khoản nợ tại ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh B1, toàn bộ số tiền còn lại bị cáo chuyển cho các tài khoản cá nhân khác nhau để chơi tiền ảo trên mạng. Như vậy, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại, Đoàn Thị Họa M đã đưa ra thông tin gian dối là vay tiền để đáo hạn ngân hàng nên bà Đỗ Thị H1 đã tin tưởng cho bị cáo vay số tiền 4.200.000.000 đồng và bị cáo đã chiếm đoạt số tiền này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Đoàn Thị Họa M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, Đoàn Thị Họa M thừa nhận Tòa án sơ thẩm kết tội bị cáo Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng tội. Như vậy, nội dung kháng cáo kêu oan của bị cáo Đoàn Thị Họa M là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về hình phạt:

Bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp tài sản của người khác đều bị trừng trị nhưng vì mục đích cá nhân, bị cáo vẫn bất chấp thực hiện. Lợi dụng lòng tin của bị hại, chỉ trong thời gian ngắn bị cáo đã chiếm đoạt số tiền lớn. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương nên cần phải áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm khắc, phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo cải tạo, giáo dục riêng cũng như răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần cho bị hại để khắc phục hậu quả; ông nội của bị cáo là người có công cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo khi lượng hình là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả mà hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cũng như xem xét đúng, đầy đủ các tình tiết tăng nặng,

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội để tuyên phạt bị cáo 14 năm tù. Mức hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp, tương xứng, đã thể hiện sự chiều cố, cân nhắc của Hội đồng xét xử đối với bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo **Đoàn Thị Họa M** không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin xem xét lại hình phạt của cấp sơ thẩm như yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Đoàn T1**, bà **Nguyễn Thị L** về phần trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại các Biên bản ghi lời khai ngày 27/9/2023, ngày 16/4/2024 (BL 1240, 1243), ông **Đoàn T1** thừa nhận khoản vay 1,2 tỷ đồng tại **ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh B1 - Phòng G** do ông và vợ ông là bà **Nguyễn Thị L** đứng tên thế chấp vay vốn; số tài khoản 0291000291392 mở tại **Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh B1 - Phòng G** do ông đứng tên nhưng ông không biết sử dụng tài khoản ngân hàng, không biết cách chuyển tiền, và app chuyển tiền được cài đặt trên điện thoại của bị cáo **M**, bị cáo mới là người thực hiện chuyển tiền trên tài khoản đó. Lời khai này của ông **Đoàn T1** phù hợp với lời khai của **Đoàn Thị Họa M** tại Biên bản ghi lời khai ngày 18/9/2023 (BL 1390). Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, bị cáo **Đoàn Thị Họa M** thừa nhận trong tổng số tiền 4.200.000.000đ bị cáo chiếm đoạt của bà **Đỗ Thị H1** thì bị cáo chuyển vào tài khoản số 0291000291392 mang tên ông **Đoàn Trà M3** tại **Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh B1 - Phòng G** để xóa thế chấp, tất toán khoản vay 1,2 tỷ đồng của ông **Đoàn T1** và bà **Nguyễn Thị L**. Lời khai của bị cáo phù hợp với các bản sao kê ngân hàng về thời gian, phương thức giao dịch, nội dung giao dịch đối với những lần chuyển tiền lần lượt là 450.000.000đ, 450.000.000đ, 100.000.000đ và 200.000.000đ (tổng là 1,2 tỷ đồng); phù hợp với các tài liệu thể hiện thời điểm ông **T1** bà **L** giải chấp, tất toán hợp đồng tín dụng đối với món vay 1,2 tỷ đồng nêu trên.

Như vậy, nguồn gốc khoản tiền bị cáo đã chuyển cho ông **Đoàn T1** để thanh toán món vay do ông **Đoàn T1** và bà **Nguyễn Thị L** đứng tên thế chấp quyền sử dụng đất là do bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của bị hại **Đỗ Thị H1** mà có. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm truy thu số tiền mà ông **T1**, bà **L** đã nhận từ bị cáo để trả lại cho bị hại là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định tại các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự. Do đó, kháng cáo của bị cáo, ông **T1**, bà **L** về nội dung này là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với nội dung buộc ông **Đoàn T1**, bà **Nguyễn Thị L**, anh **Đoàn Việt Đ** phải liên đới trả cho bà **Sou Thị M1** số tiền 3.650.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: tại phiên tòa sơ thẩm, ông **T1**, bà **L** và anh **Đ** đều thừa nhận anh **Đoàn Việt Đ** cùng ông **Đoàn T1** trực tiếp đến hỏi vay bà **Sou Thị M1** số tiền 3.050.000.000đ, số tiền này được chuyển vào tài khoản của anh **Đ** để trả khoản vay mang tên bà **Nguyễn Thị L** và anh **Đoàn Tuấn A** (con trai của ông **T1**, bà **L**); ông **T1**, bà **L**, anh **Đ** đều thống nhất số tiền phải trả cho bà **M1** là 3.050.000.000đ nợ gốc và 600.000.000đ nợ lãi, đồng thời dùng tài sản là các quyền sử dụng đất đã được xóa thế chấp tại

ngân hàng (đối với khoản vay mang tên bà Nguyễn Thị L và anh Đoàn Tuấn A nêu trên) để thi hành án cho bà M1 vì số tiền vay của bà M1 dùng để xóa thế chấp đối với các quyền sử dụng đất này. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận nội dung này và buộc ông Đoàn T1, bà Nguyễn Thị L, anh Đoàn Việt Đ phải liên đới trả cho bà Sou Thị M1 tổng số tiền 3.650.000.000 đồng (cả gốc và lãi); các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được xóa thế chấp tại Ngân hàng sau khi ông T1, anh Đ mượn tiền của bà M1 để thanh toán nợ được ưu tiên thi hành án cho bà M1 là phù hợp với quy định tại các Điều 288, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị cáo, ông T1, bà L.

[4]. Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; ông T1, bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Thị Họa M;

- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn T1, bà Nguyễn Thị L.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2025/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần tội danh, hình phạt đối với bị cáo và phân trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Họa M 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 17/11/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 288, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự;

- Buộc bị cáo Đoàn Thị Họa M bồi thường cho bị hại bà Đỗ Thị H1 số tiền còn lại là 2.730.000.000 (hai tỷ bảy trăm ba mươi triệu) đồng;

- Truy thu của ông Đoàn T1, bà Nguyễn Thị L số tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng để trả cho bà Đỗ Thị H1;

- Buộc ông Đoàn T1, bà Nguyễn Thị L, anh Đoàn Việt Đ phải liên đới trả cho bà Sou Thị M1 số tiền 3.650.000.000 (ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu) đồng, trong đó, tiền gốc là 3.050.000.000 (ba tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng, tiền lãi là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Quyền sử dụng đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI345505, số BY417192 và DD951494 do **Sở T5** cấp có đăng ký tên ông **Đoàn T1** được ưu tiên thi hành án cho bà **Sou Thị M1** đối với số tiền 3.650.000.000 đồng nêu trên. Thủ tục thi hành án đối với tài sản là quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chuyển thông tin về việc chuyển nhượng đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX135315 và BX135316 đến cơ quan thi hành án để khi thi hành án theo quy định của pháp luật thì ưu tiên thanh toán cho bà **Đỗ Thị H1** đối với số tiền 1.200.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

- Bị cáo **Đoàn Thị Họa M** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Ông **Đoàn T**, bà **Nguyễn Thị L** mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2025/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam số 1-Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên